



CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG BÌNH PHƯỚC

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BÌNH PHƯỚC**

Giấy CNĐKDN : Số 3800100802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 02/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 18/11/2021

Địa chỉ trụ sở chính : Số 152 Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 0271.3.881 159 Fax: 0271.3.870 227

Website : <http://xaydungbinhphuoc.com.vn>

Vốn điều lệ đã góp : 56.318.950.000 đồng (tại ngày 18/11/2021)

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : **LÊ MINH THÂN**

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại : 0271.3.881 159 Fax: không có

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Công ty/BICOCO	:	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước
CTCP	:	Công ty Cổ phần
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước
ĐHDCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
SHNN	:	Sở hữu nước ngoài
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VNĐ	:	Việt Nam Đồng

MỤC LỤC

I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
1.1.	Giới thiệu về Công ty	5
1.2.	Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	5
1.3.	Tóm tắt quá trình hình thành, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và phát triển.....	6
1.4.	Tóm tắt quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm cổ phần hóa.....	7
1.5.	Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng.....	8
2.	Cơ cấu nhóm công ty và Cơ cấu tổ chức công ty	9
2.1.	Cơ cấu nhóm công ty	9
2.2.	Cơ cấu tổ chức công ty	9
3.	Cơ cấu cổ đông Công ty.....	10
3.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty	11
3.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	11
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	11
4.1.	Công ty mẹ (Tổ chức) của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước.....	11
4.2.	Công ty con của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước	12
4.3.	Những công ty mà Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước.	12
5.	Hoạt động kinh doanh	12
5.1.	Sản phẩm, dịch vụ của Công ty.....	12
5.2.	Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.....	13
5.3.	Chi phí sản xuất kinh doanh.....	15
5.4.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	16
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	18
6.1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	18
6.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.	19
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	19
7.1.	Vị thế của công ty trong ngành	19
7.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	20
8.	Chính sách đối với người lao động.....	20
8.1.	Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2022	20
8.2.	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	21

9.	Chính sách cổ tức	22
10.	Tình hình tài chính	22
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	22
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	32
11.	Tài sản	33
12.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	36
12.1.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 (hợp nhất)	36
12.2.	Cơ sở thực hiện kế hoạch.....	37
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	38
14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	38
14.1.	Chiến lược phát triển	38
14.2.	Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	38
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	39
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	39
1.	Hội đồng quản trị	39
1.1.	Ông Lê Minh Thân - Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	39
1.2.	Ông Vũ Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.....	41
1.3.	Ông Hoàng Hữu Toán - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	43
1.4.	Bà Nguyễn Thị Thái Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	44
2.	Ban Kiểm soát	46
2.1.	Ông Tô Minh Phong - Trưởng Ban Kiểm soát	46
2.2.	Bà Nguyễn Thị Lành - Thành viên Ban Kiểm soát	48
2.3.	Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thành viên Ban Kiểm soát.....	49
3.	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	51
3.1.	Ông Vũ Thanh Hải - Tổng Giám đốc: Trình bày tại Hội đồng quản trị.....	51
3.2.	Ông Hoàng Hữu Toán - Phó Tổng Giám đốc: Trình bày tại Hội đồng quản trị	51
3.3.	Bà Nguyễn Thị Thái Hòa - Kế toán trưởng: Trình bày tại Hội đồng quản trị	51
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	51
5.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	51
6.	Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định	51
III.	CÁC BÊN LIÊN QUAN	52
IV.	PHỤ LỤC	52

1. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BÌNH PHƯỚC
Tên tiếng Anh:	BINH PHUOC CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BÌNH PHƯỚC
Người đại diện pháp luật:	Ông: Lê Minh Thân - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông: Vũ Thanh Hải - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Trụ sở chính:	Số 152 Hùng Vương, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Số điện thoại:	02713.881.159
Website:	www.xaydungbinhphuoc.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký:	56.318.950.000 đồng (<i>Bằng chữ: năm mươi sáu tỷ, ba trăm mười tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng</i>)
Vốn điều lệ đã góp tại ngày 18/11/2021:	56.318.950.000 đồng (<i>Bằng chữ: năm mươi sáu tỷ, ba trăm mười tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng</i>)
Ngày trở thành công ty đại chúng theo giấy phép của UBCKNN:	Công ty chưa là công ty đại chúng theo quy định tại Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	3800100802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 02/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 18/11/2021
Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, kinh doanh BOT các công trình giao thông; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: BCO
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: **5.631.895** cổ phiếu (*Bằng chữ: năm triệu sáu trăm ba mươi một nghìn tám trăm chín mươi lăm cổ phiếu*)
- Tỷ lệ số cổ phần đăng ký giao dịch trên tổng số cổ phần đã phát hành: 100%
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: **56.318.950.000** đồng (*Bằng chữ: năm mươi sáu tỷ ba trăm mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*)

- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có): Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: thực hiện theo Công văn số 3497/UBCK-PTTT của UBCK ngày 08/06/2022 về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước. Cụ thể, do Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước chưa phải là công ty đại chúng nên Ủy ban chứng khoán Nhà nước chưa có cơ sở xem xét tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trên cơ sở danh mục ngành nghề kinh doanh được đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước là 0% do các ngành nghề sau đây có hoạt động mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường: sản xuất vật liệu xây dựng (mã ngành 2392), chuẩn bị mặt bằng (mã ngành 4312), kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810), kiểm tra và phân tích kỹ thuật (mã ngành 7120).
- Tại thời điểm ngày 26/08/2022, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước là 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và phát triển

- Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước, tiền thân là Công ty Xây dựng và Kinh doanh phát triển nhà Bình Phước, được thành lập theo Quyết định số 177/BXD-TCLĐ ngày 24/3/1997 của Bộ Xây dựng. Ngày 30/11/2004, UBND tỉnh Bình Phước có Quyết định số 114/2004/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Xây dựng và Kinh doanh phát triển nhà Bình Phước thành Công ty Xây dựng - Tư vấn & Đầu tư phát triển Bình Phước.
- Năm 2010, Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty TNHH một thành viên với tên gọi Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước theo Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 02/07/2010 của UBND tỉnh Bình Phước, được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN số 3800100802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 02/07/2010, vốn điều lệ: 54.136.000.000 đồng. Bên cạnh các hoạt động khai thác khoáng sản, xây dựng công trình, kinh doanh bất động sản thì đầu tư liên kết khai thác khoáng sản được coi là lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn của Công ty.
- Năm 2015, Công ty thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.
- Ngày 18/02/2016, Công ty tổ chức phiên đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, số lượng cổ phần đã bán 65.100 cổ phần với giá trúng đấu giá bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.
- Ngày 22/12/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- Ngày 01/01/2017, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ ba ngày 30/12/2016 với vốn điều lệ là 64.026.000.000 đồng.
- Ngày 24/06/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu theo giấy số 42/2020/GCNCP-SD, số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký là 6.402.600 cổ phần.
- Ngày 11/09/2020, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước gửi Sở Tài chính và Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước Công văn số 3235/UBND-TN về việc không đưa giá trị đầu tư Dự án khai thác, chế biến mỏ đá Song Rinh vào xác định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn nhà nước. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước thống nhất chủ trương không đưa giá trị đầu tư Dự án khai thác, chế biến mỏ đá Song Rinh (tổng giá trị: 5.737.883.912 đồng) vào xác định giá trị doanh nghiệp để thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước; và chấp thuận phương án giảm vốn nhà nước đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước tương

ứng với giá trị đầu tư vào mỏ đá Song Rinh, với tổng giá trị: 5.737.883.912 đồng, cụ thể: kết quả thẩm định các khoản chi phí đầu tư vào dự án: 4.713.946.017 đồng (chi phí ban đầu là 2.896.877.625 đồng), và giá trị lợi thế quyền khai thác mỏ: 1.023.937.895 đồng. Trên cơ sở đó, ngày 16/09/2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đã quyết định lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ngày 23/09/2020, Công ty tổ chức và thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản số 35/NQ-ĐHĐCĐ thông qua việc giảm vốn điều lệ xuống còn 58.288.120.000 đồng, lý do: giảm vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước tương ứng với giá trị đầu tư Dự án Khai thác, chế biến Mỏ đá Song Rinh là 5.737.883.912 đồng theo Công văn số 3235/UBND-TH ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 19/10/2020, Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100802 thay đổi lần thứ 5 ghi nhận vốn điều lệ giảm 5.737.880.000 đồng, còn 58.288.120.000 đồng.

- Ngày 11/06/2021, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước gửi Sở Tài chính và Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước Công văn số 1901/UBND-TH và Công văn đính chính số 2130/UBND-TH ngày 29/06/2021 về việc điều chỉnh giảm vốn nhà nước theo Biên bản kiểm toán nhà nước khu vực VIII. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận điều chỉnh giảm vốn nhà nước khoản lợi thế quyền khai thác mỏ Puzolan Phu Miêng (theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Đoàn Kiểm toán nhà nước khu vực VIII tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước) với số tiền là 1.969.166.920 đồng (làm tròn số 1.969.170.000 đồng) trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để tiếp tục thoái vốn nhà nước, số vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước sau khi điều chỉnh giảm còn lại là 57.637.120.000 đồng – 1.969.170.000 đồng = 55.667.950.000 đồng. Trên cơ sở đó, trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 08/11/2021, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giảm vốn nhà nước theo Công văn số 2130/UBND-TH ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước là 196.917 cổ phần phổ thông, tương đương 1.969.170.000 đồng. Ngày 18/11/2021, Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100802 thay đổi lần thứ 7 ghi nhận vốn điều lệ giảm 1.969.170.000 đồng, còn 56.318.950.000 đồng.
- Ngày 19/01/2022, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 1 số 42/2020/GCNCP-VSD-1 số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký là 5.631.895 cổ phần.
- Ngày 29/06/2023, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

1.4. Tóm tắt quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm cổ phần hóa

Lần	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ tăng/giảm thêm	Vốn điều lệ sau thay đổi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn điều lệ	Cơ sở pháp lý
1	01/2018		64.026.000.000	Chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần	1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100802 lần thứ 3 ngày 30/12/2017
2	10/2020	-5.737.880.000	58.288.120.000	Giảm phần vốn nhà nước đã đầu	1. Công văn số 3235/UBND-TN

Lần	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ tăng/giảm thêm	Vốn điều lệ sau thay đổi (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn điều lệ	Cơ sở pháp lý
				tư vào CTCP Xây dựng Bình Dương tương ứng với giá trị đầu tư vào mỏ đá Song Rinh. Sau điều chỉnh giảm, vốn của cổ đông nhà nước giảm từ 63.375.000.000 đồng (chiếm 98,98%) xuống 57.637.120.000 đồng (chiếm 98,88%), vốn của cổ đông khác không thay đổi (*).	ngày 11/09/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước. 2. Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường bằng văn bản số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/09/2020 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100802 thay đổi lần thứ 5 ngày 19/10/2020
3	11/2021	-1.969.170.000	56.318.950.000	Giảm vốn nhà nước khoản lợi thế quyền khai thác mỏ Puzolen Phu Miêng. Sau điều chỉnh giảm, vốn của cổ đông nhà nước giảm từ 57.637.120.000 đồng (chiếm 98,88%) xuống 55.667.950.000 đồng (chiếm 98,84%), vốn của cổ đông khác không thay đổi (**).	1. Công văn số 1901/UBND-TH ngày 11/06/2021 và Công văn đính chính số 2130/UBND-TH ngày 29/06/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. 2. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/11/2021 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100802 thay đổi lần thứ 7, ngày 18/11/2021

(*) Được trình bày cụ thể tại Đoạn số 8 Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần I của Bản công bố thông tin này.

(**) Được trình bày cụ thể tại Đoạn số 9 Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần I của Bản công bố thông tin này.

1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng

Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước chưa đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng theo Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Công ty thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ

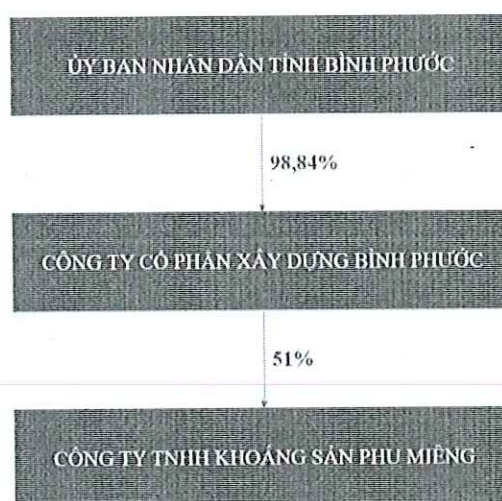
thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại mục c khoản 1 Điều 133 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày 15/06/2023 như sau:

- Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 43 cổ đông.
- Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 65.100 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 1,16% vốn điều lệ.

2. Cơ cấu nhóm công ty và Cơ cấu tổ chức công ty

2.1. Cơ cấu nhóm công ty

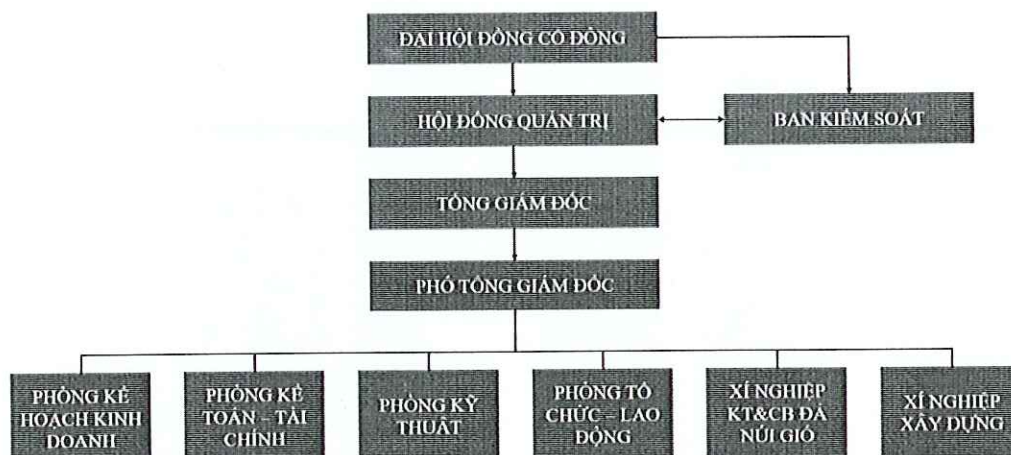


Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước

Diễn giải:

Hiện tại, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước đang sở hữu 98,84% tại Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước đang sở hữu 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Khoáng Sản Phú Miêng.

2.2. Cơ cấu tổ chức công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước

Diễn giải:

Công ty cổ phần Xây Dựng Bình Phước được tổ chức quản lý theo mô hình có Ban kiểm soát được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, hỗ trợ cho Ban giám đốc là các phòng ban chức năng như được mô tả cụ thể dưới đây:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng giám đốc: thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty.
- **Các Phòng nghiệp vụ:** Các phòng nghiệp vụ, gồm Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng Tổ chức - lao động và Phòng Kỹ thuật.
- **Các đơn vị trực thuộc:** Xí nghiệp Khai thác và chế biến Đá Núi Gió, Xí nghiệp Xây dựng.

3. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 15/06/2023 như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/06/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	43	5.631.895	100%
1	Trong nước	43	5.631.895	100%
1.1	Nhà nước	1	5.566.795	98,84%
1.2	Tổ chức	0	0	0
1.3	Cá nhân	42	65.100	1,16%
2	Nước ngoài	0	0	0

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	43	5.631.895	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	43	5.631.895	100%
1	Cổ đông lớn	1	5.566.795	98,84%
2	Cổ đông khác	42	65.100	1,16%
	Tổng cộng	43	5.631.895	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước do Tổng công ty lưu ký chứng khoán và bù trừ Việt Nam cấp ngày 15/06/2023

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/06/2023 như sau:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước	Đường 6/1, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	5.566.795	98,84%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước do Tổng công ty lưu ký chứng khoán và bù trừ Việt Nam cấp ngày 15/06/2023

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty không có cổ đông sáng lập.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

4.1. Công ty mẹ (Tổ chức) của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước

Không có

4.2. Công ty con của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước

Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng

- Tên Công ty: **Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng**
- Trụ sở chính: **Ấp Thanh Sơn, Xã Thanh An, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước**
- Điện thoại: **0913620279**
- Fax: **Không có**
- Website: **Không có**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3800704498 do Phòng đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 20/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/6/2022.**
- Ngành nghề kinh doanh chính: **Khai thác và sản xuất kinh doanh đá puzolan làm phụ gia xi măng trên diện tích 77,6 ha**
- Vốn điều lệ: **21.966.645.141 đồng, trong đó:**
 - + Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước: 11.200.989.022 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.
 - + Công ty TNHH An Lộc: 10.765.656.119 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ
- Vốn thực góp: **21.966.645.141 đồng, trong đó:**
 - + Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước: 11.200.989.022 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.
 - + Công ty TNHH An Lộc: 10.765.656.119 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ
- Người đại diện pháp luật
 - + **Trần Duy Hải - Chức vụ: Tổng Giám đốc**
 - + **Phạm Văn Minh - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc**

4.3. Những công ty mà Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước.

Ngoại trừ các công ty đã nêu tại khoản 4.1, 4.2 bên trên thì Công ty không đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại công ty nào khác và không có công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Hiện nay, BICOCO đang hoạt động kinh doanh trong 2 lĩnh vực chính là xây dựng, tư vấn xây dựng và khai thác, chế biến, cung cấp đá xây dựng.

- **Với lĩnh vực xây dựng:** BICOCO đã và đang thực hiện nhiều công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận như: các khu dân cư, nhà phố, biệt thự, trụ sở cơ quan làm việc...

- **Với lĩnh vực khai thác, chế biến và cung cấp đá xây dựng:** BICOCO hiện đang vận hành và khai thác mỏ đá Núi Gió 3 tại xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với trữ lượng khai thác 3.200.000 m³, công suất khai thác: 200.000 m³/năm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 84/GP-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh Bình Phước. Trong đó thời gian bắt đầu khai thác kể từ ngày 17/9/2016, với thời hạn là 17 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Các sản phẩm đá của BICOCO được nhiều nhà đầu tư tin dùng để phục vụ cho các công trình lớn, yêu cầu về chất lượng và tiến độ phục vụ: Các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp và xây dựng dân dụng khác trong và ngoài tỉnh.

5.2. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty

Bảng 2.1: Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động qua các năm – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%	Giá trị	%	%
Doanh thu tư vấn, thiết kế, xây dựng,...	2.782.631.819	6%	16.603.257.633	24%	497% (*)
Doanh thu bán thành phẩm đá xây dựng	44.222.015.557	94%	53.284.843.543	76%	20%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	-	-	-	-
Tổng cộng	47.004.647.376	100%	69.888.101.176	100%	49%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 2.2: Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động qua các năm – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%	Giá trị	%	%
Doanh thu tư vấn, thiết kế, xây dựng,...	2.782.631.819	6%	16.603.257.633	24%	497% (*)
Doanh thu bán thành phẩm đá xây dựng	44.222.015.557	94%	53.284.843.543	76%	20%

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%	Giá trị	%	%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	-	-	-	-	-
Tổng cộng	47.004.647.376	100%	69.888.101.176	100%	49%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 3.1: Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi nhuận gộp	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%	Giá trị	%	
Hoạt động tư vấn, thiết kế, xây dựng..	187.511.910	2%	564.123.349	4%	201% (*)
Bán thành phẩm đá xây dựng	10.972.651.621	98%	14.917.449.295	96%	36%
Cung cấp dịch vụ gia công	-	-	-	-	-
Tổng cộng	11.160.163.531	100%	15.481.572.644	100%	39%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 3.2: Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi nhuận gộp	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%	Giá trị	%	1 (%)
Hoạt động tư vấn, thiết kế, xây dựng..	187.511.910	2%	564.123.349	4%	201% (*)
Bán thành phẩm đá xây dựng	9.277.829.823	98%	13.738.037.343	96%	48%
Cung cấp dịch vụ gia công	-	-	-	-	-
Tổng cộng	9.465.341.733	100%	14.302.160.692	100%	51%



Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

(*) Trong năm 2021, Công ty chỉ trúng thầu 01 công trình xây dựng (Công trình nâng cấp cầu Sóc Bể qua đường liên xã Thanh Phú - Thanh Lương) với giá trị hợp đồng là 2.129.600.000 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2022, Công ty trúng thầu 02 công trình xây dựng bao gồm: (i) Hạng mục Doanh trại Ban CHQS thành phố Đồng Xoài (trừ chống mối); (ii) Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng. Phát sinh doanh thu năm 2022 của 2 công trình trên là 16.331.992.593 đồng. Do đó, doanh thu và lợi nhuận năm 2022 của Công ty tăng đột biến.

5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 4.1: Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm - Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Yếu tố chi phí	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Giá vốn bán hàng	35.844.483.845	76%	54.406.528.532	78%	52%
Chi phí tài chính	2.992.909.629	6%	942.358.990	1%	-69%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.321.946.862	16%	9.915.099.375	14%	35%
Chi phí khác	166.411.693	-	119.795.843	-	-28%
Tổng cộng	46.325.752.029	99%	65.383.782.740	94%	41%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 4.2: Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Yếu tố chi phí	Năm 2021		Năm 2022		Thay đổi 2022/2021 (%)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Giá vốn bán hàng	37.539.305.643	80%	55.585.940.484	80%	48%
Chi phí tài chính	960.736.279	2%	2.942.079	0%	-100%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.573.607.509	16%	10.654.532.462	15%	41%
Chi phí khác	2.277.313.692	5%	139.346.212	0%	-94%
Tổng cộng	48.350.963.123	103%	66.382.761.237	95%	37%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

5.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 5: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian
1	Công ty TNHH Vận tải Châu Thanh	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	6.978	03/01/2022
2	Công ty TNHH MTV Thế Diệp	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	3.242	03/01/2022
3	Công ty TNHH MTV TM XD Tòng Thành Đạt	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.688	03/01/2022
4	Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	2.698	07/7/2022
5	Công ty TNHH Cầu đường Đồng Phú	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	748	04/01/2022
6	Công ty TNHH MTV TM VT Phú Thành Bình Phước	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	863	04/01/2022
7	Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Bình Phước	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.067	04/01/2022
8	Công ty Cổ phần Bê tông nhựa nóng Thuận Phú	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.040	04/5/2022
9	Công ty TNHH MTV DV TM DL Hoa Sen	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	728	05/7/2022
10	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phú Thành Công	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.310	30/8/2022
11	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	Hợp đồng thi công xây dựng, cải tạo các hạng mục doanh trại Ban CHQS thành phố Đồng Xoài	15.924	10/6/2022
12	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước	Hợp đồng thi công xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào Khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	19.151	27/6/2022
13	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thị xã Bình Long	Hợp đồng thi công xây dựng công trình nâng cấp cầu bản	2.581	07/12/2022

STT	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian
		đường HCT1, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long		
14	Công ty Cổ phần Bê tông nhựa nóng Thuận Phú	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	4.725 (Tạm tính)	03/01/2023
15	Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	4.145 (Tạm tính)	03/01/2023
16	Công ty TNHH MTV Thế Diệp	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	3.330 (Tạm tính)	03/01/2023
17	Công ty TNHH Nam Việt Bình Phước	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	3.270 (Tạm tính)	03/01/2023
18	Công ty TNHH Vận tải Châu Thanh	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	2.960 (Tạm tính)	03/01/2023
19	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phú Thành Công	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	2.662 (Tạm tính)	03/01/2023
20	Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Bình Phước	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	2.355 (Tạm tính)	03/01/2023
21	Công ty TNHH MTV TM XD Tồng Thành Đạt	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	2.303 (Tạm tính)	03/01/2023
22	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Hoa Sen	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	2.112 (Tạm tính)	03/01/2023
23	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Kim Hường	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.846 (Tạm tính)	03/01/2023
24	Công ty TNHH MTV TM Dịch vụ Xây dựng Tuấn Kiệt	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.720 (Tạm tính)	03/01/2023
25	Công ty TNHH MTV Cát Giang	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.575 (Tạm tính)	03/01/2023
26	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thương mại DDP	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.735 (Tạm tính)	17/3/2023
27	Công ty TNHH Xây dựng Liên Dũng	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	1.499 (Tạm tính)	03/4/2023
28	Công ty TNHH Mai Nguyên	Hợp đồng mua bán đá xây dựng tại Mỏ đá Núi Gió 3	3.735 (Tạm tính)	03/4/2023

STT	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian
Tổng cộng			86.082	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 6.1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 - 2022 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/giảm
Tổng Tài sản	78.768.054.308	76.091.132.411	-3%
Vốn chủ sở hữu	58.238.617.091	61.501.251.094	6%
Doanh thu thuần	47.004.647.376	69.888.101.176	49%
Lợi nhuận HĐKD	2.486.079.588	6.368.300.933	156%
Lợi nhuận khác	(45.550.778)	139.524.395	-
Lợi nhuận trước thuế	2.440.528.810	6.507.825.328	167%
Lợi nhuận sau thuế	1.919.140.709	5.182.301.094	170%
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	10.341	10.920	6%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 6.2: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 - 2022 – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/giảm
Tổng Tài sản	91.843.246.646	91.348.797.881	-1%
Vốn chủ sở hữu	66.805.016.754	69.165.073.726	4%
Doanh thu thuần	47.004.647.376	69.888.101.176	49%
Lợi nhuận HĐKD	2.571.774.035	5.388.910.635	110%
Lợi nhuận khác	(2.083.725.504)	216.337.662	-
Lợi nhuận trước thuế	488.048.531	5.605.248.297	1.049%
Lợi nhuận sau thuế	(33.339.570)	4.279.724.063	-

	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/giảm
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	10.341	10.920	6%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Doanh thu thuần hợp nhất và riêng lẻ của năm 2022 tăng trưởng 49% so với năm 2021, trong đó đóng góp chính đến từ hoạt động tư vấn, thiết kế và xây dựng, tăng trưởng gần 500% từ 2.782.631.819 VNĐ năm 2021 đến 16.603.257.633 VNĐ năm 2022; và hoạt động bán thành phẩm đá xây dựng, tăng trưởng 20% từ 44.222.015.557 VNĐ đến 53.284.843.543 VNĐ. Bên cạnh đó, chi phí tài chính (cụ thể là dự phòng đầu tư) cũng giảm mạnh từ 960.736.279 VNĐ xuống còn 2.942.079 VNĐ dẫn đến lợi nhuận trước thuế hợp nhất có sự tăng trưởng mạnh 1.049%, từ 488.048.531 VNĐ lên 5.605.248.297 VNĐ.

Tổng tài sản năm 2022 của Công ty không có sự biến động lớn giảm 1% so với năm 2021. Trong đó, hạng mục chiếm tỷ trọng lớn là các khoản tiền và các khoản tương đương tiền với giá trị 41.259.854.246 VNĐ và chi phí trả trước dài hạn với tổng giá trị 22.182.625.117 VNĐ (chủ yếu là chi phí đầu tư ban đầu khai thác mỏ của Công ty Phu Miêng với giá trị 10.778.104.013 VNĐ).

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

• Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của UBND tỉnh và các Sở, Ban, Ngành có liên quan của tỉnh Bình Phước.
- Tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, nỗ lực cố gắng để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

• Khó khăn: Tuy có nhiều cố gắng vượt qua khó khăn, thử thách nhưng kết quả chưa đạt được như mong muốn do nhiều nguyên nhân khách quan như sau:

- Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 01/2017 được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước. Trong giai đoạn đầu mới đi vào hoạt động Công ty chủ yếu tập trung vào công tác nhận bàn giao; thực hiện các thủ tục để đổi tên các hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản mỏ đá Núi Gió 3; cùng cố sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty và xây dựng ban hành các quy chế, quy định để đưa Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đi vào hoạt động.
- Việc Công ty vừa thực hiện công tác thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm luôn gặp khó khăn nhất định đó là việc tìm kiếm các hợp đồng trong việc đấu thầu và nhận thầu thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Trong suốt quá trình thành lập và phát triển, đến nay Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước đã vươn lên trở thành một Công ty có uy tín, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường xây dựng. Với đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư, công nhân giỏi, dày dặn kinh nghiệm đã và đang thực hiện nhiều công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận như: các khu dân cư, nhà phố, biệt thự, trụ sở cơ quan làm việc,... Các công trình do Công ty thi công đều đạt chất lượng tốt, đáp ứng được mọi yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, được các chủ đầu tư đánh giá cao. Với việc ưu tiên phát triển thiết bị công nghệ thi công, không ngừng sáng tạo và cải tiến trình độ để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất. Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước khẳng định: Hoàn toàn có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng về chất lượng và tiến độ các công trình lớn nhỏ với giá thành hợp lý nhất.

Ngoài lĩnh vực xây dựng và lĩnh vực tư vấn xây dựng thì lĩnh vực khai thác, chế biến và cung cấp đá xây dựng cũng là một trong những lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước. Nguồn đá của Công ty là từ các mỏ đá trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Với đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, giàu kinh nghiệm trong khai thác, chế biến đá, các dây chuyền nghiền sàng đá được đánh giá là tiên tiến trong khu vực. Sản phẩm sản xuất của Công ty hàng năm đủ đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh. Sản phẩm của Công ty rất đa dạng gồm: Đá 1x2, đá 0x2,5, đá 0x3,75, đá 4x6, đá 0x4, đá mi sàng, đá mi bụi, đá hộc và các chủng loại, kích cỡ đá khác theo yêu cầu của khách hàng. Nhiều năm qua sản phẩm của Công ty đã có thương hiệu trên thị trường và được nhiều nhà đầu tư tin dùng sản phẩm của Công ty để phục vụ cho các công trình lớn, yêu cầu về chất lượng và tiến độ phục vụ như: Công trình đường Quốc lộ 13, Quốc lộ 14, các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp và xây dựng dân dụng khác trong và ngoài tỉnh.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xây dựng trong nước hiện đang được đánh giá là có nhiều tiềm năng phát triển trong cả 3 lĩnh vực hoạt động chính bao gồm xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng

- **Lĩnh vực xây dựng dân dụng:** được hỗ trợ bởi Luật Nhà ở năm 2014 cho phép người nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam, đã tạo lực đẩy cho sự phát triển thị trường bất động sản Việt Nam. Việc nới lỏng chính sách đã tạo nên một lực cầu lớn trong phân khúc nhà cao cấp, theo đó nhiều dự án quy mô lớn sẽ được đưa vào triển khai. Ngoài ra, những năm gần đây tình hình kinh tế nước ta ngày càng được cải thiện, lãi suất cơ bản có xu hướng giảm và ổn định, các chính sách kích cầu của Chính phủ cũng giúp cho tình hình thị trường bất động sản dần ấm lên.
- **Lĩnh vực xây dựng công nghiệp:** lượng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp sản xuất luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu vốn FDI (40-50%) tương đương với lượng giải ngân trung bình 4-5 tỷ USD/năm. Thông qua Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cùng với những cải thiện về hệ thống logistics và môi trường kinh doanh hỗ trợ ngành xây dựng công nghiệp tăng trưởng khả quan hơn trong những năm tới.
- **Lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng:** theo thống kê, Việt Nam có khoảng 40% số lượng đường bộ trong hệ thống giao thông có chất lượng thấp và rất thấp. Bên cạnh đó, việc ký kết Hiệp định thương mại tự do trong những năm tới sẽ kích thích gia tăng đầu tư nước ngoài vào nước ta, những nguồn vốn đầu tư này sẽ giúp tăng nhu cầu thi công hạ tầng, sử dụng vật liệu xây dựng trong nước, góp phần giúp thị trường này trở nên sôi động hơn. Ngoài ra, một số cải tiến trong chính sách của Nhà nước đang tạo ra những tác động tích cực đối với ngành xây dựng cơ sở hạ tầng như Luật Đầu thầu 2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP quy định, nhà thầu ngoại phải liên doanh hoặc ký hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam không thấp hơn 30% giá trị gói thầu về tư vấn, xây dựng và hỗn hợp. Điều này hứa hẹn cải thiện khả năng cạnh tranh của nhà thầu trong nước cũng như tăng tính minh bạch trong đấu thầu dự án. Các công ty xây dựng trong nước có nhiều cơ hội tham gia vào các dự án do Nhà nước đầu tư. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 sẽ nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, khắc phục tình trạng nợ đọng và tăng tính minh bạch trong phân bổ nguồn lực Nhà nước. Việc tạo ra cơ chế để giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản sẽ giải quyết được vấn đề dòng tiền cho không ít doanh nghiệp. Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) chính thức được ban hành quy định về các điều khoản hợp tác, cơ chế thực hiện dự án rõ ràng, thông thoáng, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2022

Bảng 7: Cơ cấu lao động tính đến thời điểm 31/12/2022

Cán bộ	31/12/2022
	Số người
I. Phân theo trình độ lao động	34
1. Trình độ trên đại học	0
2. Trình độ đại học	13
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	5
4. Công nhân kỹ thuật	3
5. Sơ cấp	0
6. Lao động khác	13
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	34
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	5
2. Lao động không xác định thời hạn	29
3. Lao động trong thời gian thử việc (khoản gọn)	0

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước thực hiện nghiêm chỉnh Bộ luật Lao động của Nhà nước Việt Nam, đảm bảo quyền lợi cho người lao động thông qua việc ký kết hợp đồng với từng người lao động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đúng việc nộp và thanh toán đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định. Người lao động được trả lương theo định mức khoán sản phẩm, thu nhập đủ đảm bảo cuộc sống, các chế độ cho người lao động được thanh toán đầy đủ theo quy định của nhà nước. Trong quá trình làm việc, công tác, xét thấy có năng lực và trách nhiệm cao thì sẽ được xem xét nâng bậc lương hoặc hưởng thêm phụ cấp. Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ thực tế và đánh giá năng lực của người lao động mà Công ty sẽ lập danh sách cho người lao động đi đào tạo bồi dưỡng các khóa học để nâng cao tay nghề phục vụ cho Công ty. Khen thưởng kịp thời cho những ý tưởng, sáng kiến của người lao động trong quá trình lao động mang lại hiệu quả cho Công ty.

Bảng 8: Thu nhập bình quân giai đoạn 2021 - 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm	Đơn vị tính	2021	2022
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	10.600.000	12.500.000
Tăng trưởng	%	104%	117,9%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước

9. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. BICOCO cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tỷ lệ cổ tức trong các năm qua như sau:

Bảng 9: Tỷ lệ cổ tức giai đoạn 2021 - 2022

Năm	2021	2022
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	2,41% (*)	6,44% (**)
Hình thức thanh toán	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước

(*) Đã hoàn tất thanh toán cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/10/2022 (lấy kiến cổ đông bằng văn bản), với số tiền 1.344.434.513 đồng, ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước: 09/8/2022

(**) Đã hoàn thành thanh toán cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023, với số tiền 3.625.981.707 đồng, trong đó: cổ đông nhà nước chi trả vào ngày 03/7/2023 số tiền là: 3.584.068.388 đồng; và các cổ đông khác vào ngày 03/7/2023 số tiền là: 41.913.319 đồng.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc: 02 – 05 năm

Máy móc, thiết bị: 03 - 10 năm

Phương tiện vận tải: 02 – 05 năm

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 như sau:

Bảng 10.1: Các khoản phải nộp ngân sách – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022
1	Thuế giá trị gia tăng	366.663.448	423.898.296
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	294.105.552	905.650.768
3	Thuế thu nhập cá nhân	9.161.859	8.589.082
4	Tiền thuế đất	674.833.588	-
5	Thuế tài nguyên	1.151.085.012	486.318.758
6	LN nộp NSNN	-	(11.105.831)
7	Tiền cấp quyền	-	6.000
8	Phí BVMT	208.282.030	95.750.556
9	Thuế khác	-	36.000
TỔNG CỘNG		2.704.131.489	1.909.143.629

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 10.2: Các khoản phải nộp ngân sách – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022
1	Thuế giá trị gia tăng	400.979.433	423.898.296
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	242.448.170	853.993.386
3	Thuế Thu nhập cá nhân	1.544.198	13.871.421
4	Tiền thuế đất	1.624.063.828	1.430.936.215
5	Thuế tài nguyên	1.151.085.012	486.318.758
6	LN nộp NSNN	-	(11.105.831)
7	Tiền cấp quyền	2.093.514.000	3.140.277.000
8	Phí BVMT	208.282.030	95.750.556

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
9	Thuế khác	-	3.036.000
TỔNG CỘNG		5.721.916.671	6.436.975.801

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

d) Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 của Công ty như sau:

Bảng 11.1: Trích lập các quỹ theo luật định – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2022
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	189.413.636	(15.934.370)
2	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
TỔNG CỘNG		189.413.636	(15.934.370)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 11.2: Trích lập các quỹ theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2021	31/12/2022
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	189.413.636	(15.934.370)
2	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
TỔNG CỘNG		189.413.636	(15.934.370)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Hàng năm, Công ty trích lập Quỹ bao gồm: Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi. Trong đó, Quỹ khen thưởng trích năm 2021 là 92.080.528 VND và năm 2022 là 43.607.329 VND; Quỹ phúc lợi năm 2021 trích 97.333.108 VND, nhưng đến năm 2022 chỉ 59.541.699 VND. Dẫn đến, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2022 là (15.934.370) VND, trong khi năm 2021 là 189.413.636 VND.

e) Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Bảng 12.1: Các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	8.627.870.740	8.921.115.265
Phải thu khách hàng	6.813.887.062	6.295.029.010
Trả trước cho người bán	143.504.808	235.718.524
Phải thu khác	1.670.478.870	2.555.449.141
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(165.081.410)
Phải thu dài hạn	1.428.560.511	1.061.994.102
Tổng cộng	10.056.431.251	9.983.109.367

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 12.2: Các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	8.137.187.726	8.390.149.881
Phải thu khách hàng	6.899.806.988	6.357.406.566
Trả trước cho người bán	239.504.808	331.718.524
Phải thu khác	997.875.930	1.866.106.201
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(165.081.410)
Phải thu dài hạn	1.655.522.934	1.288.956.525
Tổng cộng	9.792.710.660	9.679.106.406

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 13.1: Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác hàng – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Công trình nâng cấp đường TPT5 đoạn từ TPT8 đến TPT4 xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long (2690m)	2.793.424.000	173.424.000
Công ty TNHH Cầu đường Đồng Phú	166.316.040	-
Công ty TNHH Vận tải Châu Thanh	807.836.745	863.901.818
Công trình nâng cấp cầu Sóc Bể qua đường liên xã Thanh	1.136.605.000	517.204.000

Phú – Thanh Lương		
Gói thầu: XL-03: Thi công xây dựng, cải tạo các hạng mục doanh trại Ban CHQS thành phố Đồng Xoài (trừ chống mối)	-	3.886.908.000
XN KT&CB Đá Núi Gió	611.075.699	-
Khách hàng khác	1.298.629.578	853.591.192
Tổng	6.813.887.062	6.295.029.010

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 13.2: Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác hàng – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Công trình nâng cấp đường TPT5 đoạn từ TPT8 đến TPT4 xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long (2690m)	2.793.424.000	173.424.000
Công ty TNHH Cầu đường Đồng Phú	166.316.040	-
Công ty TNHH Vận tải Châu Thanh	807.836.745	863.901.818
Công trình nâng cấp cầu Sóc Bể qua đường liên xã Thanh Phú – Thanh Lương	1.136.605.000	517.204.000
Công trình Đường giao thông và hệ thống thoát nước mưa tuyến D1B	-	3.886.908.000
Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Kim Hường	611.075.699	-
XN KT&CB Đá Núi Gió	1.384.549.504	915.968.748
Tổng	6.899.806.988	6.357.406.566

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

- Các khoản phải trả**

Bảng 14.1: Các khoản phải trả - Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Tổng nợ ngắn hạn	20.529.437.217	14.589.881.317
Phải trả người bán ngắn hạn	2.293.538.575	4.547.043.896
Người mua trả tiền trước (*)	10.908.449.085	2.003.780.658

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Thuế và các khoản phải nộp NN	2.704.131.489	1.911.618.378
Phải trả người lao động	56.400.000	1.526.860.174
Chi phí phải trả	3.854.536.767	4.593.723.505
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	522.967.665	22.789.076
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	189.413.636	(15.934.370)
Tổng nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	20.529.437.217	14.589.881.317

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 14.2: Các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Tổng nợ ngắn hạn	25.038.229.892	21.872.724.155
Phải trả người bán ngắn hạn	2.420.799.587	4.882.446.112
Người mua trả tiền trước (*)	10.908.449.085	2.980.238.288
Thuế và các khoản phải nộp NN	5.781.191.714	6.491.107.932
Phải trả người lao động	376.015.000	2.019.865.174
Chi phí phải trả	4.081.499.190	4.820.685.928
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.280.861.680	694.315.091
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	189.413.636	(15.934.370)
Tổng nợ dài hạn	-	311.000.000
Tổng cộng	25.038.229.892	22.183.724.155

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 15.1: Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Công ty TNHH MTV CN Hóa Chất Mỏ Nam Bộ MICCO	217.674.201	217.674.201	649.783.686	649.783.686
Công ty TNHH Minh Ngọc	-	-	502.180.141	502.180.141
Công ty TNHH Xây Dựng Ánh Nguyên	541.471.550	541.471.550	428.334.540	428.334.540
Nhà máy bê tông Hùng Vương – Bình Phước	42.478.920	42.478.920	1.402.490.876	1.402.490.876
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thái Bình Dương	400.423.676	400.423.676	95.166.780	95.166.780
Các nhà cung cấp khác	1.091.490.228	1.091.490.228	1.469.087.873	1.469.087.873
Tổng	2.293.538.575	2.293.538.575	4.547.043.896	4.547.043.896

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (Công ty mẹ)

Bảng 15.2: Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Xây Dựng Bình Phước	8.506.404	8.506.404	8.506.404	8.506.404
Chi nhánh Công ty TNHH MTV CN Hóa Chất Mỏ Nam Bộ MICCO	217.674.201	217.674.201	867.663.518	867.663.518
Công ty TNHH Minh Ngọc	-	-	502.180.141	502.180.141
Công ty TNHH Xây Dựng Ánh Nguyên	541.471.550	541.471.550	428.334.540	428.334.540
Nhà máy bê tông Hùng	42.478.920	42.478.920	1.402.490.876	1.402.490.876

Vương – Bình Phước				
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thái Bình Dương	400.423.676	400.423.676	95.166.780	95.166.780
Tạ Linh Phương	2.031.884	2.031.884	117.522.384	117.522.384
Công ty TNHH Hoàng An	125.229.128	125.229.128	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.082.983.824	1.082.983.824	1.460.581.469	1.460.581.469
Tổng	2.420.799.587	2.420.799.587	4.882.446.112	4.882.446.112

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

• **Vay và nợ tài chính**

Công ty mẹ: không có

Hợp nhất: Tại ngày 31/12/2022, số dư Vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 311.000.000 đồng. Đây là khoản vay của Công ty TNHH An Lộc hỗ trợ cho Công ty vay để chi trả chi phí trong thời gian Công ty chưa có thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khoản vay không tính lãi suất và dự kiến sẽ trả lại trong năm 2023.

f) **Một số chỉ tiêu khác**

Bảng 16.1: Chỉ tiêu khác - Công ty mẹ

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	33.776.779.027	40.682.536.700
Hàng tồn kho (**)	1.800.866.334	-
Chi phí trả trước dài hạn (***)	4.701.814.626	5.376.235.811

(*) Tiền và các khoản tương đương tiền chủ yếu đến từ tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư Bình Phước, Ngân hàng SHB và Ngân hàng Nam Á với tổng giá trị vào năm 2021 là 7.141.341.859 đồng và năm 2022 là 2.024.746.163 đồng. Tiền gửi tiết kiệm tại Nam Á Bình Phước, SHB Bình Phước, BIDV Bình Phước với tổng giá trị vào năm 2021 là 26.563.547.015 đồng và năm 2022 là 38.500.000.000 đồng.

Một số thông tin về hợp đồng tiền gửi cụ thể như sau:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Số tiền gửi	Lãi suất	Kỳ hạn
BIDV	Hợp đồng số 15/2022/HĐTG ngày 11/8/2022	4.000.000.000 đồng	3,5%	3 tháng
SHB	Hợp đồng số 0040/19062019/HĐTG/SHB/131100 ngày 19/6/2019	2.500.000.000 đồng	7,2%	6 tháng

SHB	Hợp đồng số 0048/080719/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 08/7/2019	7.000.000.000 đồng	7,2%	6 tháng
SHB	Hợp đồng số 0107/311220/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 31/12/2020	2.000.000.000 đồng	5,5%	6 tháng
SHB	Hợp đồng số 0111/191219/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 19/12/2019	5.000.000.000 đồng	7,2%	6 tháng
SHB	Hợp đồng số 0010/190221/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 19/02/2021	4.000.000.000 đồng	4,8%	6 tháng
SHB	Hợp đồng số 0011/190221/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 19/02/2021	2.000.000.000 đồng	4,8%	6 tháng
SHB	Hợp đồng số 0003/100122/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 10/01/2022	4.000.000.000 đồng	5,0%	6 tháng
SHB	Hợp đồng số 0029/010722/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 01/7/2022	5.000.000.000 đồng	3,2%	1 tháng
SHB	Hợp đồng số 0049/300922/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 30/09/2022	3.000.000.000 đồng	4,4%	1 tháng
SHB	Hợp đồng số 0050/300922/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 30/9/2022	2.500.000.000 đồng	5,9%	3 tháng
SHB	Hợp đồng số 0068/261022/HĐTĐG/SHB/131100 ngày 26/10/2022	2.000.000.000 đồng	7,2%	6 tháng

(**) Trong năm 2021, riêng Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước, hàng tồn kho đạt 1.800.866.334 đồng, bao gồm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 1.702.666.334 đồng (khoản mục này là thành phẩm (đá) sản xuất chưa tiêu thụ, Công ty chỉ thực hiện tính một số chi phí trực tiếp chính cho giá trị thành phẩm tồn) và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang xây dựng là 98.200.000 đồng. Năm 2022, Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước không phát sinh hàng tồn kho do nhu cầu xây dựng tại khu vực Bình Phước tăng mạnh.

(***) Chi phí trả trước dài hạn đến từ các khoản bao gồm: Công cụ dụng cụ, sửa chữa; chi phí đất tăng phủ; chi phí đầu tư khai thác mỏ đá Núi Gió; giá trị tiềm năng phát triển của công ty; và lợi thế kinh doanh quyền khai thác tại mỏ đá Núi gió. Trong đó, chi phí chủ yếu đến từ chi phí đầu tư khai thác tại mỏ đá Núi Gió với chi phí năm 2021 là 2.212.679.924 đồng (chiếm 47,1% chi phí trả trước dài hạn) và năm 2022 là 3.419.368.086 đồng (chiếm 63,6% chi phí trả trước dài hạn).

Bảng 16.2: Chỉ tiêu khác – Hợp nhất

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	34.121.374.137	41.259.854.246
Hàng tồn kho (**)	2.543.851.890	1.466.905.062
Chi phí trả trước dài hạn (***)	20.857.641.468	22.182.625.117

(*) Sau khi hợp nhất, Tiền và các khoản tương đương tiền sau hợp nhất tăng chủ yếu đến từ khoản tiền mặt của Công ty TNHH Khoáng Sản Phú Miêng (khoản tiền mặt của Khoáng Sản Phú Miêng năm 2021 là 344.384.401 đồng và năm 2022 là 577.317.546 đồng).

(**) Sau khi hợp nhất với Công ty TNHH Khoáng Sản Phú Miêng, trong năm 2021, hàng tồn kho Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước đạt 2.543.851.890 đồng, bao gồm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 2.445.651.890 đồng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang xây dựng là 98.200.000 đồng. Năm 2022, hàng tồn kho Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước đạt 1.466.905.062, chủ yếu đến từ thành phẩm (đá) sản xuất chưa tiêu thụ của Công ty TNHH Khoáng Sản Phú Miêng.

(***) Chi phí trả trước dài hạn đến từ các khoản bao gồm: Công cụ dụng cụ, sửa chữa; chi phí đất tăng phủ; tiền cấp quyền khai thác của Công ty Phú Miêng; chi phí đầu tư ban đầu khai thác mỏ của Công ty Phú Miêng; phương án khai thác đá Công ty Phú Miêng; chi phí đầu tư khai thác tại mỏ đá Núi Gió; giá trị tiềm năng phát triển của công ty; lợi thế kinh doanh quyền khai thác mỏ Núi Gió; và lợi thế kinh doanh quyền khai thác mỏ Phú Miêng.

Trong đó, chi phí chủ yếu đến từ chi phí đầu tư ban đầu khai thác mỏ của Công ty Phú Miêng với chi phí năm 2021 và năm 2022 đều là 10.778.104.013 đồng (chiếm 51,7% năm 2021 và 48,6% năm 2022 chi phí trả trước dài hạn). Đây là số tiền nhận chuyển nhượng mỏ từ năm 2016 còn lại, phân bổ theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản đến ngày 21/12/2037.

Ngoài ra, các khoản chi phí chủ yếu khác như:

- Tiền cấp quyền khai thác Công ty Phú Miêng với thời hạn được cấp quyền khai thác đến năm 2034, phí 1.046.757.000 đồng/năm thanh toán hằng năm theo thông báo của cơ quan thuế, thời gian phân bổ từ năm 2023 đến năm 2034.
- Lợi thế kinh doanh quyền khai thác mỏ Phú Miêng với số tiền còn lại chưa phân bổ là 2.813.095.600 đồng. Đây là số tiền chuyển giá trị lợi thế kinh doanh quyền khai thác mỏ đá Puzolan Phú miêng theo Công văn số 124/UBND-TH ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước, với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ năm 2020.
- Chi phí đầu tư khác tại Mỏ đá Núi Gió: 3.419.368.086 đồng.

Khoản mục chi phí	Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022	Thời gian phân bổ (năm)
Lập và thẩm tra thiết kế khai thác mỏ đá Núi Gió	55.272.731	10
Chi phí thăm dò, lập báo cáo kết quả thăm dò và trình duyệt phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng	1.297.391.563	17
Chi phí lập đề án thăm dò, xin giấy phép thăm dò khoáng sản	75.238.231	17
Chi phí lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản	87.752.174	17

Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo môi trường	116.718.414	17
Chi phí lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho Dự án đầu tư khai thác Mỏ đá Núi Gió	54.393.944	15
Chi phí lập hồ sơ xin cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước - Dự án đầu tư khai thác chế biến khoáng sản Mỏ đá Núi Gió 3	10.921.077	5
Chi phí lập và thẩm định thiết kế kỹ thuật khai thác mỏ đá Núi Gió 3	93.962.119	10
Chi phí góp vốn đầu tư nâng cấp đường vào mỏ đá Núi Gió từ km 1+400 đến km 1+835,4 (giai đoạn 2) góp vốn Công ty TNHH An Lộc	78.087.511	5
Đền bù công khai phá đất số 16 hộ ông Lê Ngọc Quang	21.333.333	5
Lắp dựng nhà điều hành Trạm nghiền sàng 150 tấn/giờ	2.628.914	3
Đền bù công khai phá diện tích 13.584,3 m ² thuộc Dự án đầu tư khai thác chế biến khoáng sản đá xây dựng Mỏ đá Núi Gió 3	1.494.273.000	3
Chi phí mua sắm công cụ dụng cụ	31.395.075	2

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17.1: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu - Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,72	3,71
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,63	3,71
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	26,06	19,17
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	35,25	23,72
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	19,90	-
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,60	0,92
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,08	7,42
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,30	8,43

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,44	6,81

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 17.2: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu - Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,25	2,55
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,15	2,48
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	27,26	24,28
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	37,48	32,07
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14,76	37,89
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,51	0,77
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-	6,12
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	6,19
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-	4,69

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

11. Tài sản

Bảng 18.1: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2021		31/12/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.751.988.426	158.033.212	1.751.988.426	105.355.475
Máy móc, thiết bị	14.341.637.249	3.499.090.322	15.903.400.182	2.464.875.957
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	604.588.181	22.140.000	1.588.731.635	736.149.907

Thiết bị, dụng cụ quản lý	88.990.000	19.185.667	88.990.000	1.182.032
Tài sản hữu hình	16.787.203.856	3.698.449.201	19.333.110.243	3.307.563.371
Tài sản vô hình	-	-	-	-
Tổng	16.787.203.856	3.698.449.201	19.333.110.243	3.307.563.371

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (công ty mẹ)

Bảng 18.2: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2021		31/12/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.401.770.916	4.345.064.879	8.401.770.916	4.008.410.618
Máy móc, thiết bị	14.341.637.249	3.499.090.322	15.903.400.182	2.464.875.957
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.496.350.075	431.184.011	2.480.493.529	1.081.582.122
Thiết bị, dụng cụ quản lý	617.692.985	371.307.364	617.692.985	309.245.141
Tài sản hữu hình	24.857.451.225	8.646.646.576	27.403.357.612	7.864.113.838
Tài sản vô hình	-	-	-	-
Tổng	24.857.451.225	8.646.646.576	27.403.357.612	7.864.113.838

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

• **Diện tích đất đai Công ty đang quản lý:**

ST T	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Căn cứ pháp lý	Thời hạn/Ghi chú
a/ Đất cho thuê trả tiền hàng năm					
01	152 Hùng Vương, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3.838,6	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	GCNQSD đất số 35/99QSĐĐ/UB ngày 04/3/1999 của UBND tỉnh Bình Phước và Hợp đồng số	40 năm

ST T	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Căn cứ pháp lý	Thời hạn/Ghi chú
				06/HĐ/TĐ ngày 01/02/1999	
					Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 15/5/2023 Diện tích theo Giấy phép khai thác khoáng sản: 9,147ha Diện tích chưa ký hợp đồng theo Giấy phép khai thác khoáng sản là 17.343m² do chưa thực hiện xong công tác giải tỏa đền bù.
02	Mỏ đá Núi Gió 3, xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	74.127	Sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sứ	Đất quốc phòng do tỉnh đội quản lý, được UBND tỉnh cho thuê đất trả tiền hàng năm để khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Quyết định số 896/QĐ- UBND ngày 12/5/2015 và đã được ký hợp đồng thuê đất số 02/HĐTĐ ngày 05/01/2016	Hiện nay, Công ty đã làm đơn xin gia hạn thời gian thuê đất ngày 28/11/2022 và đơn xin thuê đất trả tiền hàng năm ngày 21/12/2022 đối với diện tích đã giải tỏa đền bù xong. Sở Tài nguyên và Môi trường đang trình UBND tỉnh cho gia hạn thời gian thuê đất và thuê đất trả tiền hàng năm.
b/ Diện tích có giao đất có thu tiền sử dụng đất và cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất					
01	Dự án nhà liên kế khu đất khuôn viên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Bình Phước	225,1 m ²	Nhà liên kế	Công ty đã ký hợp đồng bán cho khách hàng trước khi chuyển sang Công ty cổ phần. Ngày 20/07/2017, Sở Tài nguyên và	

ST T	Vị trí	Diện tích (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Căn cứ pháp lý	Thời hạn/Ghi chú
				Môi trường Tỉnh Bình Phước đã có Quyết định số 403/QĐ-STNMT thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cũ), cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho CTCP Xây dựng Bình Phước. Đến nay, còn 02 lô (diện tích 225,1 m ²) đã thi công xong phần móng, chưa xây dựng hoàn thiện phần thô do hộ dân khiếu kiện, các cơ quan chức năng chưa giải quyết xong để Công ty tiếp tục thi công hoàn thành bàn giao cho khách hàng.	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với trước
Vốn điều lệ (đồng)	56.318.950.000	-
Doanh thu thuần (đồng)	60.914.575.000	- 16,10
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	5.670.416.000	

Lợi nhuận sau thuế (đồng)	4.631.733.000	- 10,61
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,60%	0,55
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	8,22	-9,56
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	10,07%	-1,16
Tỷ lệ cổ tức	6,24%	-3,11

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 20/NQ-ĐHĐCD của Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước ngày 29/06/2023..

12.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

• Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2023 và lũy kế đến ngày 30/06/2023:

- Doanh thu thuần (hợp nhất) Quý 2/2023 là 22.615.869.339 đồng, lũy kế đến ngày 30/06/2023 là 36.041.667.082 đồng, đạt 48,8% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) Quý 2/2023 là : 3.384.621.005 đồng, lũy kế đến ngày 30/06/2023 là 5.114.677.075 đồng, đạt 110,42% kế hoạch.

Trên cơ sở kết quả đạt được tính đến ngày 30/06/2023, BCO dự kiến doanh thu và lợi nhuận 06 tháng cuối năm và cả năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Ước tính thực hiện 06 tháng cuối năm 2023 (VND)	Ước thực hiện năm 2023 (VND)	% so với kế hoạch năm 2023
1	Doanh thu thuần (hợp nhất)	39.212.877.918	75.254.545.000	101,87
2	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	1.067.535.925	6.182.213.000	133,47

Với điều kiện, năng lực và có thị trường ổn định, Công ty tự tin rằng năm 2023 sẽ hoàn thành và vượt mức kế hoạch đã đề ra.

• Hoạt động khai thác khoáng sản đá xây dựng:

- Triển khai, tổ chức sản xuất và tiêu thụ đá xây dựng nhằm cung cấp sản phẩm cho thị trường đảm bảo chất lượng với chi phí thấp nhất mang lại lợi nhuận cao nhất.
- Tổ chức quản lý, giám sát và báo cáo tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác chặt chẽ, đúng quy định hiện hành, đảm bảo an toàn nghiêm ngặt không để xảy ra tai nạn lao động.
- Tổ chức khai thác chế biến đá xây dựng phải tuân thủ theo đúng quy trình, quy phạm phải đảm bảo an toàn tuyệt đối, không để xảy ra mất an toàn lao động.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện thiết bị của Công ty để hạn chế đến mức thấp nhất việc hư hỏng máy móc, lãng phí vật tư nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thực hiện các thủ tục thuế đất và triển khai bóc tầng phủ tại phần diện tích 13.557,2 m² mà Công ty đã chi trả tiền đền bù công khai phá cho hộ dân để đưa vào khai thác sản xuất.
- Di dời đường điện và phần đường giao thông vào Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Núi Gió đoạn đi qua khu vực mặt bằng khai thác của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long.
- Đầu tư xe xúc lật và đầu tư lắp đặt trạm cân điện tử 80 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Núi Gió.
- Tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường để tiêu thụ được nhiều sản phẩm.
- **Hoạt động xây dựng và tư vấn xây dựng**
 - Tiếp tục thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng và tiến độ các công trình đã nhận thầu.
 - Tích cực nghiên cứu thị trường và tham gia nhận thầu, đấu thầu các công trình phù hợp trên địa bàn tỉnh nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra.
- **Đầu tư vốn ra ngoài Công ty**

Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng:
Hiện nay, Công ty đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại vào tháng 01/2023

Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCo Bình Phước:
Hiện nay Công ty đang tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

14.1. Chiến lược phát triển

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng với 04 lĩnh vực ngành nghề chính và có hỗ trợ chặt chẽ cho nhau nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động và quy mô của Công ty:

- **Tập trung 04 ngành kinh doanh cốt lõi:**
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Khai thác, chế biến khoáng sản;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- **03 ngành nghề kinh doanh liên quan phục vụ trực tiếp ngành nghề kinh doanh chính:**
 - Tư vấn quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
 - Thăm dò khoáng sản, lập dự án đầu tư, thiết kế khai thác mỏ, thiết kế khoan nổ mìn và thăm định thiết kế khai thác mỏ;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng không nung, bê tông nhựa nóng, bê tông tươi, bê tông nhựa nguội và các loại sản phẩm bê tông cấu kiện đúc sẵn.

14.2. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Tổ chức quản lý tốt chi phí và khai thác hiệu quả các mỏ khoáng sản của Công ty;

- Đảm bảo thi công đúng tiến độ các công trình đã trúng thầu. Lấy uy tín và chất lượng làm thước đo giá trị thương hiệu, mong muốn mang đến cho khách hàng sản phẩm là những công trình mang đẳng cấp quốc tế với giá cả cạnh tranh;
- Chuẩn hóa hơn những công tác xây dựng kế hoạch tiếp thị và tiếp tục phát triển thương hiệu “BICOCO” nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của BICOCO trên thị trường;
- Tập trung nhận thầu thi công những công trình có giá trị lớn, nguồn thanh toán rõ ràng để tạo nguồn công việc lâu dài, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định cho BICOCO;
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Tối ưu hóa bộ máy để tiết giảm tối đa chi phí quản lý, qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

ST T	Họ tên	Chức vụ	SLCP sở hữu và đại diện sở hữu	%VĐ L
Hội đồng quản trị				
1	Ông Lê Minh Thân	Chủ tịch HĐQT, không điều hành	5.570.095	98,898
2	Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT, điều hành	4.900	0,087
3	Ông Hoàng Hữu Toán	Thành viên HĐQT, điều hành	2.400	0,042
4	Bà Nguyễn Thị Thái Hòa	Thành viên HĐQT, điều hành	1.300	0,023
Ban Kiểm soát				
1	Ông Tô Minh Phong	Trưởng ban	3.100	0,055
2	Bà Nguyễn Thị Lành	Thành viên	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	1.200	0,021
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng				
1	Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	4.900	0,087
2	Ông Hoàng Hữu Toán	Phó Tổng Giám đốc	2.400	0,042
3	Bà Nguyễn Thị Thái Hòa	Kế toán trưởng	1.300	0,023

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông Lê Minh Thân - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên	:	Lê Minh Thân
Giới tính	:	Nam

Ngày tháng năm sinh:	:	02/03/1963
Nơi sinh:	:	Hà Tĩnh
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	042063002787, ngày cấp: 19/4/2021, Cục CSQLHC và TTXH Bộ Công an.
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại	:	0913937034
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	:	Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
Thời gian		Đơn vị công tác
11/1987 – 02/1990	:	Lâm trường TNXP 30 Lộc Ninh – Sông Bé (Chức vụ: Phó phòng kế toán)
03/1990 – 04/1997	:	Lâm trường Lộc Quang (Chức vụ: Kế toán trưởng)
05/1997 – 06/2005	:	Công ty Xây dựng và Kinh doanh Phát triển nhà Bình Phước (Chức vụ: Kế toán trưởng)
07/2005 – 10/2007	:	Công ty Xây dựng và Tư vấn Phát triển Bình Phước (Chức vụ: Phó giám đốc)
11/2008 – 06/2010	:	Công ty Xây dựng và Tư vấn Phát triển Bình Phước (Chức vụ: Giám đốc)
07/2010 – 12/2016	:	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Tổng giám đốc)
11/2017 – Nay	:	Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Người đại diện phần vốn nhà nước)
13/01/2016 – Nay	:	Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng (Chức vụ: Người đại diện vốn góp – Chủ tịch HĐQT)
15/04/2015 – Nay	:	Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước (Chức vụ: Người đại diện vốn góp – Thành viên HĐQT)

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước – Người đại diện vốn
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Người đại diện vốn góp – Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng; Người đại diện vốn góp – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước
Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/03/2023, trong đó	:	5.570.095 cổ phần, chiếm 98,898% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	:	Đại diện cho UBND tỉnh Bình Phước: 5.566.795 cổ phần, chiếm 98,84% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu	:	3.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,058% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	3.300 cổ phần, chiếm 0,058% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	+ Trong năm 2020: Tiền lương: 329.940.000 đồng. + Trong năm 2021: Tiền lương: 364.500.000 đồng. + Trong năm 2022: Tiền lương: 350.152.450 đồng
Thông tin những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty đại chúng	:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Ông Lê Minh Thân: **Không**

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Ông Lê Minh Thân:

Người có liên quan	Mối quan hệ với Ông Lê Minh Thân	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (đồng)	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng	Ông Lê Minh Thân hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng	Hợp đồng vay vốn	715.000.000	Hội đồng quản trị CTCP Xây Dựng Bình Phước

1.2. Ông Vũ Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ tên	:	Vũ Thanh Hải
Giới tính	:	Nam

Ngày tháng năm sinh:	:	18/11/1970
Nơi sinh:	:	Bình Phước
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	042063002787, ngày cấp: 19/4/2021, Cục CSQLHC và TTXH Bộ Công an
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên hệ	:	0919746746
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	An Lộc, Bình Long, Bình Phước
Địa chỉ thường trú	:	Số 30 đường Trần Phú, Phường Tân Phú, TP. Đồng Xoài, T. Bình Phước
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	:	
Thời gian		Đơn vị công tác
- 11/2003 – 07/2010	:	Xí nghiệp xây dựng thuộc Công ty Xây dựng & Kinh doanh Phát triển nhà Bình Phước (Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp)
- 09/2010 – 12/2016	:	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Phó tổng giám đốc)
- 01/2017 – Nay	:	Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Tổng giám đốc)
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/03/2023, trong đó	:	4.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,087% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	:	4.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,087% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không



Khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	+ Trong năm 2020: Tiền lương: 329.940.000 đồng. + Trong năm 2021: Tiền lương: 364.500.000 đồng. + Trong năm 2022: Tiền lương: 416.803.200 đồng.
Thông tin những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty đại chúng	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không		
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Ông Vũ Thanh Hải: Không		
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Ông Vũ Thanh Hải: Không		

1.3. Ông Hoàng Hữu Toán - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ tên	:	Hoàng Hữu Toán
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	11/04/1966
Nơi sinh:	:	Hải Dương
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	030066006269, ngày cấp: 27/03/2021, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXXH – Bộ Công an
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên hệ	:	0933993414
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Chi Ngãi, Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
Địa chỉ thường trú	:	Khu phố Phú Cường, Phường Tân Phú, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên
Quá trình công tác	:	
<i>Thời gian</i>		<i>Quá trình công tác</i>

- 07/1991 – 06/1992		Xí nghiệp thăm dò thanh II, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh (Chức vụ: Nhân viên)
- 06/1992 – 10/1999		LICOGI 9, Biên Hòa, Đồng Nai (Chức vụ: Kỹ thuật thi công)
- 10/1999 – 12/2016	:	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên, Trưởng phòng)
- 01/2017 – Nay	:	Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Phó tổng giám đốc)
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/03/2023, trong đó	:	2.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,042% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu	:	2.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,042% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	+ Trong năm 2020: Tiền lương: 259.740.000 đồng + Trong năm 2021: Tiền lương: 283.500.000 đồng + Trong năm 2022: Tiền lương: 319.635.850 đồng
Thông tin những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty đại chúng	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không		
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Ông Hoàng Hữu Toán: Không		
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Ông Hoàng Hữu Toán: Không		

1.4. Bà Nguyễn Thị Thái Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Họ tên	:	Nguyễn Thị Thái Hòa
--------	---	---------------------

Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	03/07/1979
Nơi sinh:	:	Bình Dương
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	070196000359, ngày cấp: 13/04/2021, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH – Bộ Công an.
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên hệ	:	0908947324
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Khu phố Phú Hòa, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
Địa chỉ thường trú	:	Khu phố Phú Hòa 1, Phường Phú Đức, TX. Bình Long, Bình Phước
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác	:	
Thời gian		Đơn vị công tác
- 05/2002 – 02/2004	:	Công ty Xây dựng và Kinh doanh Phát triển Nhà Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính)
- 03/2004 – 07/2004	:	Công ty Xây dựng và Kinh doanh Phát triển Nhà Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh)
- 08/2004 – 07/2011	:	Công ty Xây dựng Tư vấn và Đầu tư Phát triển Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên Phòng Kế toán – Tài chính)
- 08/2011 – 07/2013	:	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Phó phòng Kế toán – Tài chính)
- 08/2013 – 12/2016	:	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Kiểm soát viên)
- 01/2017 - Nay	:	Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Kế toán trưởng)
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/03/2023, trong đó	:	1.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,023% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu	:	1.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,023% vốn điều lệ.
Sở hữu của người có liên quan	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	+ Trong năm 2020: Tiền lương: 245.700.000 đồng + Trong năm 2021: Tiền lương: 270.000.000 đồng + Trong năm 2022: Tiền lương: 316.666.091 đồng
Thông tin những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty đại chúng	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không		
<i>Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Bà Nguyễn Thị Thái Hòa: Không</i>		
<i>Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Thái Hòa: Không</i>		

2. Ban Kiểm soát

2.1. Ông Tô Minh Phong - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ tên	:	Tô Minh Phong
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	10/07/1983
Nơi sinh:	:	Hà Tĩnh
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	070196000359, ngày cấp: 13/04/2021, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH – Bộ Công an.
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên hệ	:	0919654079
Dân tộc	:	Kinh

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Ông Tô Minh Phong: **Không**

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Ông Tô Minh Phong: **Không**

2.2. Bà Nguyễn Thị Lành - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	:	Nguyễn Thị Lành
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	20/12/1976
Nơi sinh:	:	Xã Nam Thanh, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	040176018390, ngày cấp: 10/05/2021 tại Cục CSQLHC&TTXH Bộ Công an
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên hệ	:	0978667255
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Nam Thanh – huyện Nam Đàn – tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 3, Khu phố Phú Cường, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
Thời gian		Đơn vị công tác
- 2000 – 11/2016	:	Xí nghiệp Xây lắp số 1 – Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Kế toán)
- 12/2016 – nay	:	Phòng Kế toán – CTCP Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Thủ quỹ)
- 2018 – nay	:	CTCP Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát)
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát, Thủ quỹ
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không

Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/03/2023, trong đó	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	+ Trong năm 2020: Tiền lương: 108.053.446 đồng. + Trong năm 2021: Tiền lương: 103.992.000 đồng. + Trong năm 2022: Tiền lương: 102.496.993 đồng.
Thông tin những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty đại chúng	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không		
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Bà Nguyễn Thị Lành: Không		
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Lành: Không		

2.3. Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	:	Nguyễn Thị Thu Phương
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	21/10/1983
Nơi sinh:	:	Hải Dương
Số CCCD/CMND/Hộ chiếu	:	070179000478, ngày cấp: 27/03/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH Bộ Công an
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên hệ	:	0918230291
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú	:	Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	:	
Thời gian		Đơn vị công tác
- 8/2003 – 10/2007	:	Xí nghiệp Thu phí Tân Lập, Công ty Xây dựng và Kinh doanh phát triển nhà Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên)
- 11/2007 – 10/2017	:	Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên)
- 11/2017 – nay	:	Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Nhân viên)
- 30/6/2022 đến nay	:	Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước (Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát)
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên BKS, Nhân viên phòng KT-TC Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/03/2023, trong đó	:	1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,021% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% vốn điều lệ.
Cá nhân sở hữu	:	1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0,021% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Khoản nợ đối với Công ty	:	
Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	+ Trong năm 2020: Tiền lương: 0 đồng. + Trong năm 2021: Tiền lương: 0 đồng. + Trong năm 2022: Tiền lương: 120.093.357 đồng
Thông tin những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty đại chúng	:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với Bà Nguyễn Thị Thu Phương: **Không**

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty đại chúng với người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Thu Phương: **Không**

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Ông Vũ Thanh Hải - Tổng Giám đốc: Trình bày tại Hội đồng quản trị

3.2. Ông Hoàng Hữu Toán - Phó Tổng Giám đốc: Trình bày tại Hội đồng quản trị

3.3. Bà Nguyễn Thị Thái Hòa - Kế toán trưởng: Trình bày tại Hội đồng quản trị

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và căn cứ Điều lệ tổ chức Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước, Công ty nhận thấy tầm quan trọng của Quản trị Công ty là yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là giúp Công ty dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn đầu tư lâu dài, nâng cao lòng tin nhà đầu tư, giảm chi phí vốn. Hội đồng quản trị công ty sẽ triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng Quản trị Công ty nhằm hướng tới một mô hình quản trị hiệu quả và minh bạch, như sau:

- Xây dựng và áp dụng Quy chế Quản trị trong toàn bộ Công ty;
- Nâng cao chức năng giám sát quản lý, kiểm soát môi trường kiểm soát nội bộ bao gồm cả kiểm toán và quản trị rủi ro;
- Đánh giá liên tục cơ cấu nội bộ để đảm bảo phân định phạm vi trách nhiệm rõ ràng cho công tác quản lý trong công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết;
- Bổ sung nhân sự có chuyên môn vững chắc về Luật và các quy định về quản trị Công ty nhằm hỗ trợ mạnh mẽ trong hoạt động Quản trị Công ty cũng như cải thiện chức năng Quan hệ với Nhà đầu tư;
- Nỗ lực cải thiện các kênh cung cấp thông tin, đảm bảo việc tiếp cận thông tin về Công ty của mọi đối tượng được thuận tiện, hướng tới việc minh bạch hóa thông tin đáp ứng yêu cầu của pháp luật và nhu cầu của cổ đông.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Nội dung này trong Phụ lục IV đính kèm.

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số GCN ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
					Tháng 03/2023
	Công ty TNHH Khoáng sản Phu Miêng	Công ty TNHH Khoáng sản Phu Miêng là công ty con của	380070449 8	Ấp Thanh Sơn, Xã Thanh An, Huyện Hớn	CTCP Xây Dựng Bình Phước đã cho Công ty TNHH Khoáng sản Phu Miêng vay số tiền 715.000.000 VNĐ, với thời hạn vay là 03 tháng,

		CTCP Xây Dựng Bình Phước		Quản, Tỉnh Bình Phước	không tính lãi vay. Số tiền vay được trả dần định kỳ hàng tháng là 238.334.000 VND. Thời hạn trả từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng liền kế.
--	--	--------------------------------	--	--------------------------	--

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN

Địa chỉ: 200 Lê Lâm, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 6269 3556

Fax: (028) 6267 9678

Website: <http://kiemtoanvanan.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Biên cơ hội thành giá trị

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3915 1368

Fax: (028) 3915 1369

Website: <https://www.shs.com.vn/>

IV. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất;

Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước;

Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;

Phụ lục IV: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Bình Phước, ngày 06 tháng 10 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BÌNH PHƯỚC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



LÊ MINH THÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC**



LÊ QUANG NGỌC THANH